

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KD BẠC LIÊU

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KD BẠC LIÊU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KD BAC LIEU TRADING SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CT TNHH TMDV KD BL

2. Mã số doanh nghiệp: 1900680991

3. Ngày thành lập: 13/11/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 414, Ấp 2, Xã Tân Phong, Thị xã Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

Điện thoại: 0964 078 183

Fax:

Email: ctykdbaclieu@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Bán buôn thực phẩm	4632
5.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
6.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (ngoại trừ có liên quan đến game bắn cá)	4651
7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (ngoại trừ có liên quan đến game bắn cá)	4652
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (ngoại trừ có liên quan đến game bắn cá)	4659
10.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
13.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
14.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
15.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí. Tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	9511
16.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
17.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
18.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
19.	Lập trình máy vi tính	6201

20.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
21.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
22.	Cổng thông tin	6312
23.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
24.	Quảng cáo	7310(Chính)
25.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
26.	Cho thuê xe có động cơ	7710
27.	Bán buôn tổng hợp	4690
28.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
29.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (không hoạt động tại trụ sở)	1610
30.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)	1622
31.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
32.	In ấn	1811
33.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
34.	Sao chép bản ghi các loại	1820
35.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
36.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
37.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
38.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
39.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)	5621
40.	Xuất bản phần mềm	5820
41.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
42.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
43.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
44.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
45.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
46.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
47.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
48.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
49.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
50.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
51.	Sửa chữa thiết bị khác	3319

52.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
53.	Xây dựng nhà để ở	4101
54.	Xây dựng nhà không để ở	4102
55.	Phá dỡ	4311
56.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
57.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
58.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
59.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
60.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
61.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

6. Vốn điều lệ: 1.500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	HỒNG KOONG	Việt Nam	Ấp 2, Xã Tân Phong, Thị xã Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	750.000.000	50,000	095092000542	
2	ĐỖ NGỌC PHÚ ĐIỀN	Việt Nam	Khóm 7, Phường 3, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	750.000.000	50,000	385430330	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HỒNG KOONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/07/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 095092000542

Ngày cấp: 16/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Ấp 2, Xã Tân Phong, Thị xã Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp 2, Xã Tân Phong, Thị xã Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bạc Liêu